##### III Khối kiến thức chuyên ngành

Số tín chỉ:

Định hướng ứng dụng: 18

Định hướng nghiên cứu: 18

###### III.1 Các học phần bắt buộc

Số tín chỉ:

Định hướng ứng dụng: 8

Định hướng nghiên cứu: 8

12

Mã học phần: ELE4404

Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh): Các công nghệ điện tử tiên tiến Advanced Electronic Technologies

Số tín chỉ:

Định hướng ứng dụng: 2

Định hướng nghiên cứu: 2

Số giờ tín chỉ:

Lý thuyết: 24

Thực hành/Bài tập/Thảo luận: 6

Tự học: 90

13

Mã học phần: ELE4405

Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh): Quy trình sản xuất điện tử và quản lý Electronic Manufacturing Processes and Management

Số tín chỉ:

Định hướng ứng dụng: 2

Định hướng nghiên cứu: 2

Số giờ tín chỉ:

Lý thuyết: 24

Thực hành/Bài tập/Thảo luận: 6

Tự học: 90

14

Mã học phần: ELE4406

Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh): Thiết kế điện tử tiên tiến Electronic Designs and Innovations

Số tín chỉ:

Định hướng ứng dụng: 2

Định hướng nghiên cứu: 2

Số giờ tín chỉ:

Lý thuyết: 24

Thực hành/Bài tập/Thảo luận: 6

Tự học: 90

15

Mã học phần: ELE4407

Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh): Các chuyên đề điện tử nâng cao Advanced Topics in Electronic Engineering

Số tín chỉ:

Định hướng ứng dụng: 2

Định hướng nghiên cứu: 2

Số giờ tín chỉ:

Lý thuyết: 24

Thực hành/Bài tập/Thảo luận: 6

Tự học: 90

###### III.2 Các học phần tự chọn

(Định hướng ứng dụng: chọn 05 trong 10 học phần; Định hướng nghiên cứu: chọn 02 trong 10 học phần)

Số giờ tín chỉ:

Định hướng ứng dụng: 10

Định hướng nghiên cứu: 4

16

Mã học phần: ELE4408

Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh): Xử lý âm thanh nâng cao Advanced Audio Signal Processing

Số tín chỉ:

Định hướng ứng dụng: 2

Định hướng nghiên cứu: 2

Số giờ tín chỉ:

Lý thuyết: 24

Thực hành/Bài tập/Thảo luận: 6

Tự học: 90

17

Mã học phần: ELE4409

Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh): Xử lý ảnh nâng cao Advanced Image Processing

Số tín chỉ:

Định hướng ứng dụng: 2

Định hướng nghiên cứu: 2

Số giờ tín chỉ:

Lý thuyết: 24

Thực hành/Bài tập/Thảo luận: 6

Tự học: 90

18

Mã học phần: ELE4410

Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh): Công nghệ phát thanh truyền hình nâng cao Advanced Broadcasting Technology

Số tín chỉ:

Định hướng ứng dụng: 2

Định hướng nghiên cứu: 2

Số giờ tín chỉ:

Lý thuyết: 24

Thực hành/Bài tập/Thảo luận: 6

Tự học: 90

19

Mã học phần: ELE4411

Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh): Kỹ thuật robot Robotics

Số tín chỉ:

Định hướng ứng dụng: 2

Định hướng nghiên cứu: 2

Số giờ tín chỉ:

Lý thuyết: 24

Thực hành/Bài tập/Thảo luận: 6

Tự học: 90

20

Mã học phần: ELE4412

Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh): Hệ thống điều khiển tự động nâng cao Advanced Automatic Control System

Số tín chỉ:

Định hướng ứng dụng: 2

Định hướng nghiên cứu: 2

Số giờ tín chỉ:

Lý thuyết: 24

Thực hành/Bài tập/Thảo luận: 6

Tự học: 90

21

Mã học phần: ELE4413

Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh): Quy trình sản xuất vi mạch bán dẫn Semiconductor IC Manufacturing

Số tín chỉ:

Định hướng ứng dụng: 2

Định hướng nghiên cứu: 2

Số giờ tín chỉ:

Lý thuyết: 24

Thực hành/Bài tập/Thảo luận: 6

Tự học: 90

22

Mã học phần: ELE4414

Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh): Điện tử công nghiệp Industrial Electronics

Số tín chỉ:

Định hướng ứng dụng: 2

Định hướng nghiên cứu: 2

Số giờ tín chỉ:

Lý thuyết: 24

Thực hành/Bài tập/Thảo luận: 6

Tự học: 90

23

Mã học phần: ELE4415

Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh): Hệ thống điện tử y sinh Bioelectronic Systems

Số tín chỉ:

Định hướng ứng dụng: 2

Định hướng nghiên cứu: 2

Số giờ tín chỉ:

Lý thuyết: 24

Thực hành/Bài tập/Thảo luận: 6

Tự học: 90

24

Mã học phần: INT4411

Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh): Mạng máy tính và truyền số liệu nâng cao Advanced Computer Networks and Data Communications

Số tín chỉ:

Định hướng ứng dụng: 2

Định hướng nghiên cứu: 2

Số giờ tín chỉ:

Lý thuyết: 24

Thực hành/Bài tập/Thảo luận: 6

Tự học: 90

25

Mã học phần: INT4420

Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh): Các kỹ thuật tối ưu Optimization Techniques

Số tín chỉ:

Định hướng ứng dụng: 2

Định hướng nghiên cứu: 2

Số giờ tín chỉ:

Lý thuyết: 24

Thực hành/Bài tập/Thảo luận: 6

Tự học: 90

###### III.3

Mã học phần: ELE4418

Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh): Chuyên đề thạc sĩ 3 Special Study for Electronic Engineering 3

Số tín chỉ:

Định hướng ứng dụng: 0

Định hướng nghiên cứu: 3

###### III.4

Mã học phần: ELE4419

Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh): Chuyên đề thạc sĩ 4 Special Study for Electronic Engineering 4

Số tín chỉ:

Định hướng ứng dụng: 0

Định hướng nghiên cứu: 3